

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
TT KHẢO THÍ & ĐBCLD
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI MÔN : NGOẠI NGỮ 1 (TIẾNG PHÁP) (ĐỌC VIẾT, NGHE)
ĐỐI TƯỢNG : Y1 BSYK 15 16 - LẦN 1 (2025-2026)

HÌNH THỨC THI : TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY TÍNH BẢNG

1. Thời gian : Thứ 7 ngày 24 tháng 01 năm 2026

2. Địa điểm: Nhà A6

Chú ý: Sinh viên phải có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên tổ	Phòng thi	Ca thi	Ghi chú
1	2550110006	Nguyễn Nam Anh	YK4	15	304A	08h00	TP
2	2550110029	Lê Hoàng Kiều Anh	YK4	15	304A	08h00	TP
3	2550110041	Lương Gia Bảo	YK4	15	304A	08h00	TP
4	2550110048	Trần Vũ Bảo	YK4	15	304A	08h00	TP (KĐ ĐK)
5	2550110062	Nguyễn Khương Duy	YK4	15	304A	08h00	TP
6	2550110065	Nguyễn Nhật Duy	YK4	15	304A	08h00	TP
7	2550110098	Nguyễn Đức Hiếu	YK4	15	304A	08h00	TP
8	2550110142	Mai Phan Mỹ Hạnh	YK4	15	304A	08h00	TP
9	2550110163	Nguyễn Nhật Nguyên Khôi	YK4	15	304A	08h00	TP
10	2550110180	Phạm Như Hà Linh	YK4	15	304A	08h00	TP
11	2550110199	Nguyễn Tùng Lâm	YK4	15	304A	08h00	TP
12	2550110222	Hà Bảo Minh	YK4	15	304A	08h00	TP
13	2550110235	Phạm Hưng Nam	YK4	15	304A	08h00	TP
14	2550110234	Nguyễn Hải Nam	YK4	15	304A	08h00	TP
15	2550110244	Tạ Hữu Nguyên	YK4	15	304A	08h00	TP
16	2550110245	Trần Mai Hương Nguyên	YK4	15	304A	08h00	TP
17	2550110262	Nguyễn Trọng Nhân	YK4	15	304A	08h00	TP
18	2550110286	Phạm Hồng Phúc	YK4	15	304A	08h00	TP
19	2550110328	Lê Trường Thịnh	YK4	15	304A	08h00	TP
20	2550110334	Nguyễn Hà Trang	YK4	15	304A	08h00	TP
21	2550110357	Tôn Mạnh Tân	YK4	15	304A	08h00	TP
22	2550110381	Trần Ngọc Đức Vượng	YK4	15	304A	08h00	TP
23	2550110388	Phạm Huy Tuấn Đạt	YK4	15	304A	08h00	TP
24	2550110365	Trần Cát Tường	YK4	15	304A	08h00	TP
25	2550110011	Nguyễn Nhật Anh	YK4	16	304A	08h00	TP

26	2550110030	Đoàn Đức Anh	YK4	16	304A	08h00	TP
27	2550110051	Nguyễn Minh Chiến	YK4	16	304A	08h00	TP
28	2550110074	Cao Tiến Dũng	YK4	16	304A	08h00	TP
29	2550110104	Bùi Nguyên Hoàng	YK4	16	304A	08h00	TP
30	2550110119	Đặng Quang Huy	YK4	16	304A	08h00	TP
31	2550110121	Phạm Nguyệt Hà	YK4	16	304A	08h00	TP
32	2550110134	Bùi Hưng	YK4	16	304A	08h00	TP
33	2550110137	Phạm Thị Sông Hương	YK4	16	304A	08h00	TP
34	2550110161	Nguyễn Minh Bảo Khánh	YK4	16	304A	08h00	TP
35	2550110164	Bạch Thái Đăng Khôi	YK4	16	304A	08h00	TP
36	2550110191	Hoàng Xuân Long	YK4	16	304A	08h00	TP
37	2550110201	Nguyễn Tùng Lâm	YK4	16	304A	08h00	TP
38	2550110209	Bùi Nguyên Minh	YK4	16	304A	08h00	TP
39	2550110221	Phùng Kiến Minh	YK4	16	304A	08h00	TP
40	2550110229	Phạm Đức Mạnh	YK4	16	304A	08h00	TP
41	2550110251	Trần Minh Nguyệt	YK4	16	304A	08h00	TP
42	2550110300	Nguyễn Như Quỳnh	YK4	16	304A	08h00	TP
43	2550110305	Đặng Việt Sơn	YK4	16	304A	08h00	TP
44	2550110314	Nguyễn Hữu Thành	YK4	16	304A	08h00	TP
45	2550110382	Nguyễn Ngọc Hải Yến	YK4	16	304A	08h00	TP
46	2550110389	Nguyễn Đình Hoàng Đạt	YK4	16	304A	08h00	TP
47	2550110379	Hoàng Nguyễn Khuê Văn	YK4	15		08h00	Miễn thi
48	2550110007	Đỗ Bảo Anh	YK4	16		08h00	Miễn thi
49	2550110055	Đỗ Bảo Anh Châu	YK4	16		08h00	Miễn thi
50	2550110097	Nguyễn Đức Hiếu	YK4	16		08h00	Miễn thi